## Điều 1.ĐỊNH NGHĨA

1. "Khoản Vay" là các khoản Bên Vay đề nghị vay và TPBank chấp thuận cho vay theo Điều Kiện Điều Khoản này.
2. "Hợp Đồng Vay/Hợp Đồng" là Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, đăng ký mở tài khoản thanh toán, của Bên Vay ký và gửi TPBank để đề nghị vay Khoản Vay. Hợp Đồng Vay phải được TPBank chấp thuận, phê duyệt.
3. "Điều Kiện Điều Khoản" là bản Điều kiện, Điều khoản cho vay tiền mặt tín chấp, giải ngân qua tài khoản thanh toán của Bên Bán dành cho Khách hàng cá nhân.
4. "Dư Nợ" là toàn bộ số tiền nợ (bao gồm dư nợ gốc, lãi, phí, phạt, bồi thường thiệt hại, các khoản chi phí khác phát sinh) theo Điều Kiện Điều Khoản này mà Bên Vay có nghĩa vụ thanh toán cho TPBank
5. "Ngày Làm Việc" là ngày mà TPBank mở cửa và hoạt động bình thường, ngoại trừ các ngày nghỉ, ngày lễ, ngày nghỉ hoán đổi/nghỉ bù theo quy định của pháp luật.
6. "Bên Vay" là bên vay vốn.
7. "FATCA" là Đạo luật Tuân thủ thuế đối với chủ Tài khoản ở nước ngoài của Hoa Kỳ, ban hành ngày 18/3/2010.
8. "TPBank" Là bên cho vay.
9. "Bên Bán" là đối tác của TPBank thực hiện việc bán hàng hóa cho khách hàng có nhu cầu vay vốn.
10. "Hàng hóa" là vật phẩm mà Bên Vay có nhu cầu mua bằng vốn vay tại TPBank để thanh toán cho Bên Bán

## Điều 2.PHƯƠNG THỨC GIẢI NGÂN – MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN VAY

### 1. Phương thức Giải ngân:

a) TPBank sẽ tiến hành giải ngân khoản vay theo Hợp đồng này tính từ ngày đại diện có thẩm quyền của TPBank phê duyệt Khoản Vay.

b) Số Tiền vay sẽ được giải ngân một lần bằng chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của Bên Bán tại TPBank nếu Bên Vay đáp ứng được tất cả các yêu cầu của TPBank và được TPBank phê duyệt Khoản Vay.

Bên Vay cam kết nhận nợ số tiền cho vay vô điều kiện tại TPBank vào thời điểm TPBank giải ngân thành công Số Tiền Vay vào Tài khoản của đại diện Bên Bán tại TPBank. Bên Vay đồng ý thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh và các khoản phải trả khác theo Lịch trả nợ. Trong trường hợp Bên Vay không nhận được Lịch trả nợ, thì Bên Vay vẫn có trách nhiệm thanh toán đầy đủ, đúng hạn các Khoản trả hàng tháng cho TPBank.

### 2. Mục đích sử dụng vốn vay:

a) Bên Vay cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích đã kê khai tại Hợp đồng này và không sử dụng vào các mục đích trái với quy định của pháp luật

b) Tại bất kỳ thời điểm nào, TPBank có quyền kiểm tra và yêu cầu Bên Vay xuất trình chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn. Việc Bên Vay không xuất trình đầy đủ chứng từ chứng minh sử dụng vốn đúng mục đích là căn cứ để TPBank quyết định ngưng cho vay, chấm dứt cho vay và/hoặc thu hồi nợ trước hạn.

**Điều 3.THANH TOÁN KHOẢN VAY, LÃI SUẤT, PHÍ VÀ CÁC CHI PHÍ KHÁC CÓ LIÊN QUAN**

**1. Thanh toán Khoản vay**

Bên Vay đồng ý thanh toán cho TPBank Khoản trả hàng tháng đều nhau, bao gồm một phần gốc và lãi. Khoản trả Hàng tháng chi tiết được thể hiện trong Lịch trả nợ gửi cho Bên Vay sau khi Khoản vay được phê duyệt.

**2. Phương thức thanh toán Khoản vay:**

a) Vào Ngày thanh toán hàng tháng, Bên Vay đồng ý để TPBank thực hiện trích nợ tự động từ tài khoản thanh toán của Bên Vay tại TPBank số tiền tương ứng với Khoản thanh toán hàng tháng, để thanh toán các khoản nợ của Bên Vay phát sinh từ Hợp đồng này với TPBank. Trong mọi trường hợp, Bên Vay hoàn toàn chịu trách nhiệm trước TPBank về khoản nợ của Bên Vay tại TPBank.

b) Bên Vay phải thanh toán đúng hạn, đầy đủ cho TPBank mọi khoản thanh toán theo Lịch trả nợ, và các thỏa thuận, cam kết khác (nếu có). Trường hợp ngày trả nợ không phải là Ngày Làm Việc thì Bên Vay có trách nhiệm trả nợ vào Ngày Làm Việc liền kề trước Ngày đến hạn thanh toán, theo quy định của TPBank

c) Bên Vay cam kết các khoản thanh toán của Bên Vay đã được TPBank thu sẽ không được hoàn trả lại trong bất kỳ trường hợp nào.

d) Bên Vay được xem là đã thực hiện khoản thanh toán cho TPBank khi TPBank đã thực tế nhận được khoản thanh toán đó. Trường hợp TPBank không thể trích nợ vì lý do số dư tài khoản hay bất kỳ lý do gì phát sinh từ tài khoản của Bên Vay đăng ký trích nợ, TPBank có quyền yêu cầu Bên Vay trực tiếp thanh toán cho TPBank các khoản còn thiếu đó.

**3. Phí và các chi phí khác:**

a) Phí: loại phí và mức phí Bên Vay phải thanh toán cho TPBank được áp dụng theo Biểu phí do TPBank công bố trong từng thời kỳ.

b) Phí trả nợ trước hạn:

i. Trường hợp Bên Vay đề nghị tất toán trước hạn Khoản vay cho TPBank và được TPBank đồng ý, Bên Vay đồng ý rằng Hợp đồng này sẽ chấm dứt vào Ngày Thanh Toán Hàng Tháng của kỳ trả nợ tiếp theo gần nhất tính từ ngày Bên Vay đề nghị tất toán trước hạn. Trong trường hợp này, Bên Vay sẽ thanh toán cho TPBank Khoản Trả Hàng Tháng của kỳ trả nợ tiếp theo gần nhất tính từ ngày Bên Vay đề nghị, cộng với Số Tiền Vay Còn Lại sau kỳ trả nợ tiếp theo gần nhất tính từ ngày Bên Vay đề nghị và phí trả nợ trước hạn theo quy định tại Hợp đồng này.

ii. Phí trả nợ trước hạn được tính trên Số Tiền Vay Còn Lại sau kỳ trả nợ tiếp theo gần nhất tính từ ngày Bên Vay đề nghị

c) Chi phí: Bên Vay đồng ý thanh toán, hoàn trả cho TPBank các khoản chi phí thực tế phát sinh phù hợp với quy định pháp luật để thực hiện việc ký kết, thực hiện, duy trì Hợp Đồng Vay, Hợp Đồng Bảo Đảm trên cơ sở các chứng từ thanh toán cụ thể (chi phí công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm…).

d) Bên Vay có trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại cho TPBank nếu Bên Vay vi phạm quy định tại Hợp đồng này và gây thiệt hại cho TPBank.

**4. Lãi suất cho vay, Lãi suất quá hạn, Lãi suất chậm trả**

a) Lãi suất cho vay (còn gọi là "lãi suất cho vay trong hạn")

- *Thời hạn tính lãi:* Tính từ ngày giải ngân Khoản Vay đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán Khoản Vay.
- *Số dư thực tế:* Số Dư Nợ gốc trong hạn tại kỳ tính lãi.
- *Số ngày duy trì số dư thực tế:* Là số ngày thực tế của kỳ tính lãi. Mỗi kỳ tính lãi là một tháng.
- *Lãi suất tính lãi:* Là lãi suất cho vay tính theo năm, được quyết định bởi TPBank và thông báo tới Bên Vay tại thời điểm phê duyệt Khoản Vay.

b) Lãi suất quá hạn:

- *Thời hạn tính lãi*: Tính từ ngày Dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán Dư nợ gốc quá hạn.
- *Số dư thực tế:* Dư Nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn.
- *Số ngày duy trì số dư thực tế:* Là số ngày thực tế tính từ thời điểm Dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn.
- *Lãi suất tính lãi:* Không quá 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

c) Lãi suất chậm trả:

- *Thời hạn tính lãi:* Tính từ ngày Lãi vay bị chậm trả đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán Lãi vay chậm trả.
- *Số dư thực tế:* Số dư lãi vay thực tế bị chậm trả.
- *Số ngày duy trì số dư thực tế:* Là số ngày thực tế tính từ thời điểm Lãi vay bị chậm trả.
- *Lãi suất tính lãi:* Không quá 10%/năm.

d) Công thức tính số tiền lãi phải trả

$$\text{Số tiền lãi phải trả} = \frac{\text{Số dư thực tế} \times \text{Số ngày duy trì số dư thực tế} \times \text{Lãi suất tính lãi}}{365}$$

e) Tùy từng thời điểm, TPBank quy định việc áp dụng lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả.

**Điều 4.CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN, THU LÃI QUÁ HẠN VÀ LÃI CHẬM TRẢ**

1. Các trường hợp chuyển nợ quá hạn:

a) TPBank thực hiện chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Bên Vay không thanh toán đầy đủ, đúng hạn theo thoả thuận trong Hợp Đồng Vay và Điều Kiện Điều Khoản này. TPBank sẽ thông báo cho Bên Vay về việc chuyển nợ quá hạn.

b) Khi nhận được thông báo cho Bên Vay về việc chuyển nợ quá hạn của TPBank, Bên Vay có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ Dư Nợ quá hạn của Bên Vay cho TPBank ngay tại Thời điểm chuyển nợ quá hạn, đồng thời Bên Vay phải trả lãi tiền vay cho TPBank theo quy định tại Điều 3.4.b. tính trên toàn bộ Dư Nợ gốc nêu trên.

c) Trường hợp TPBank chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho Bên Vay hoặc TPBank thực hiện quyền chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện Bên Vay cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm quy định trong Điều khoản và Điều kiện này, TPBank sẽ thông báo cho Bên Vay về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn. Theo đó:

i. Trường hợp được TPBank chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ: Bên Vay phải trả nợ gốc và lãi tiền vay cho TPBank theo nội dung cơ cấu lại thời hạn trả nợ được TPBank thông báo.

ii. Trường hợp TPBank thực hiện quyền chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn: Bên Vay phải trả toàn bộ dư nợ, lãi tiền vay, và lãi suất quá hạn, lãi suất chậm trả áp dụng đối với Dư Nợ bị quá hạn theo thông báo của TPBank.

2. Thời điểm chuyển nợ quá hạn là ngày liền sau ngày Bên Vay phải thanh toán nợ cho TPBank (bao gồm cả trường hợp khi Bên Vay phải thanh toán theo Hợp Đồng Vay, văn bản nhận nợ với TPBank và/hoặc khi TPBank thu hồi nợ trước hạn).

3. Khi đến hạn thanh toán mà Bên Vay không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thỏa thuận, thì Bên Vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay trong hạn quy định tại Điều 3.4.a tương ứng với thời hạn cho vay mà đến hạn chưa trả;

b) Trường hợp Bên Vay không trả đúng hạn tiền lãi, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 3.4.c tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì Bên Vay phải trả lãi trên Dư Nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng theo mức lãi suất quy định tại Điều 3.4.b tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

4. Thứ tự thu nợ: Đối với nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn của khoản vay, TPBank tiến hành thu nợ theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay thu sau.

**Điều 5.CƠ CẤU LẠI THỜI HẠN TRẢ NỢ**

1. Bên Vay có nhu cầu cơ cấu lại thời hạn trả nợ (điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc gia hạn nợ) phải gửi văn bản đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho TPBank trong thời hạn quy định tại điều này, trong đó nêu rõ lý do cơ cấu, khả năng tài chính, thời hạn và nguồn trả nợ, phương án kinh doanh kèm theo các tài liệu chứng minh.

2. TPBank xem xét, quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ trên cơ sở Bên Vay đáp ứng quy định của TPBank từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật. Bên Vay có nghĩa vụ thanh toán khoản phạt cơ cấu thời hạn trả nợ theo quy định tại thời điểm cơ cấu nợ.

3. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Khoản này chỉ được thực hiện trước hoặc trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày đến kỳ hạn, thời hạn trả nợ đã thỏa thuận tại Hợp Đồng và/hoặc văn bản nhận nợ của Bên Vay với TPBank. Trong thời gian TPBank xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho Bên Vay, Bên Vay vẫn phải có nghĩa vụ thực hiện trả nợ theo đúng quy định tại Hợp đồng này .

**Điều 6. NGƯNG CHO VAY, CHẤM DỨT CHO VAY, THU HỒI NỢ TRƯỚC HẠN**

1. TPBank được toàn quyền quyết định ngưng cho vay, chấm dứt cho vay và/hoặc thu hồi nợ trước hạn theo một trong các trường hợp sau đây:

a) Bên Vay sử dụng vốn sai mục đích;
b) TPBank phát hiện ra bất kỳ thông tin nào do Bên Vay đã cung cấp dưới bất kỳ hình thức nào là sai sự thật, không đúng, và/hoặc không đầy đủ.
c) Bên Vay đang có số dư nợ cấp tín dụng tại TPBank và/hoặc tại các tổ chức tín dụng khác đã được điều chỉnh kỳ hạn nợ, gia hạn hoặc quá hạn;
d) Bên Vay vi phạm các quy định tại Hợp Đồng Vay và Điều Khoản Điều Kiện này hoặc bất cứ thỏa thuận, cam kết nào khác với TPBank cho dù có liên quan hay không có liên quan đến Hợp đồng này ;

e) Bên Vay chết, bị tuyên bố là đã chết, mất tích, bị tuyên bố là mất tích, mất năng lực hành vi hoặc bị hạn chế năng lực hành vi hoặc bị khởi tố, truy tố, xét xử về mặt hình sự

f) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật hoặc theo thoả thuận của các bên tại Hợp đồng này.

Khi phát sinh trường hợp TPBank phải ngưng cho vay, chấm dứt cho vay và/hoặc thu hồi nợ trước hạn nêu trên, Khoản vay hiện tại của Bên Vay bao gồm nợ gốc, lãi và chi phí có liên quan dù chưa đến hạn thanh toán, TPBank có quyền xem như đến hạn và Bên Vay có trách nhiệm phải thanh toán ngay cho TPBank nếu TPBank có yêu cầu.

2. TPBank thông báo qua email, thư tay hoặc điện thoại cho Bên Vay vào thời điểm quyết định ngưng/ chấm dứt cho vay/ thu hồi nợ trước hạn. Nội dung thông báo bao gồm thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất quá hạn áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn

3. Số tiền thu nợ trước hạn = Số tiền vay còn lại + Tiền lãi tính trên số tiền vay còn lại tại thời điểm quyết định ngưng/ chấm dứt cho vay/ thu hồi nợ trước hạn

**Điều 7.CAM KẾT VÀ BẢO ĐẢM**

Bên Vay theo đây cam kết và bảo đảm rằng:

1. Tuân thủ các qui định, chính sách của pháp luật và của TPBank liên quan đến việc cấp tín dụng và trong trường hợp các quy định, chính sách này có thay đổi, Bên Vay cam kết sẽ thực hiện theo đúng các quy định, chính sách đã được thay đổi đó.

2. Trong trường hợp khoản tiền Bên Vay hoàn trả Khoản Vay cho TPBank bị khấu trừ, thu hồi một phần hoặc toàn bộ theo lệnh/quyết định của cơ quan có thẩm quyền, Bên Vay có nghĩa vụ thanh toán số tiền bị thu hồi, khấu trừ đó cho TPBank trong vòng 15 ngày kể từ ngày TPBank thông báo về việc bị khấu trừ, thu hồi đó. Bên Vay chấp nhận việc TPBank phục hồi lại số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi (ghi nợ lại hoặc coi như Bên Vay chưa thanh toán số nợ tương ứng số tiền bị khấu trừ, thu hồi).

3. Chấp nhận rằng các thông báo lãi suất, tính toán gốc, lãi, phí, phạt, chi phí…. đã được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng này và Lịch trả nợ là có giá trị ràng buộc nghĩa vụ của Bên Vay đối với TPBank, trừ trường hợp có sự sai sót rõ ràng trong tính toán số học hoặc không phù hợp với quy định pháp luật.

4. Đồng ý ủy quyền toàn bộ và không hủy ngang cho TPBank thực hiện các biện pháp sau để thu hồi các khoản nợ (gốc, lãi), phí, phạt, các khoản phải thanh toán, hoàn trả, bồi thường cho TPBank:

   a) Thu hồi mọi tài sản và nguồn thu của Bên Vay tương ứng với phần Dư Nợ còn thiếu;

   b) Tự động tạm khóa (tạm dừng giao dịch) tài khoản và toàn quyền chủ động trích tiền trên tài khoản (bao gồm nhưng không giới hạn tài khoản thanh toán, tài khoản tiết kiệm, tài khoản tiền gửi…), hợp đồng tiền gửi, bất kỳ tài sản gửi nào khác của Bên Vay tại TPBank để thu hồi nợ;

   c) Lập ủy nhiệm thu yêu cầu các tổ chức nơi Bên Vay mở tài khoản, gửi tiền và/hoặc tài sản trích tiền và tài sản đó để chuyển cho TPBank mà không cần thông báo hay có sự chấp thuận trước của Bên Vay.

5. Đồng ý rằng khi có các sự kiện nêu tại Khoản 1 Điều 6 Điều Kiện Điều Khoản này, TPBank có quyền áp dụng một, một số hoặc đồng thời tất cả các biện pháp sau:

a) Tạm dừng thực hiện và/hoặc tuyên bố hủy bỏ các văn bản, cam kết giải ngân theo Hợp đồng này; hoặc

b) Điều chỉnh lãi suất cho vay quy định tại Hợp đồng này và áp dụng cho toàn bộ Dư Nợ của Hợp đồng trong thời gian tiếp theo kể từ ngày điều chỉnh lãi suất phù hợp với quy định pháp luật. Mức lãi suất điều chỉnh sẽ theo thỏa thuận của TPBank và Bên Vay. Trường hợp Bên Vay không chấp nhận điều chỉnh lãi suất cho vay thì TPBank sẽ áp dụng theo quy định tại điểm a Khoản này.

6. Bên Vay đồng ý và chấp thuận rằng TPBank được cung cấp thông tin liên quan đến Bên Vay, Khoản Vay, cho bên thứ ba theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức khác phù hợp với quy định của pháp luật (Cơ Quan có thẩm quyền, Trung tâm thông tin tín dụng (CIC), Tổ chức thông tin tín dụng, luật sư (trong trường hợp TPBank tham gia vụ kiện liên quan đến Khoản Vay của Bên Vay), bên bảo đảm, kiểm toán, tổ chức xếp hạng tín dụng, bên mua nợ (trong quan hệ mua bán nợ với TPBank liên quan đến Khoản Vay của Bên Vay)) hoặc bất kỳ bên thứ ba (tổ chức, cá nhân) nào khác trong quá trình TPBank xem xét cấp tín dụng, quản lý thu hồi nợ đối với Bên Vay phù hợp với quy định pháp luật. Thỏa thuận này đồng thời là văn bản thông báo của TPBank cho Bên Vay theo quy định của pháp luật.

7. Bên Vay đồng ý cho TPBank cung cấp thông tin tín dụng của Bên Vay tại TPBank cho, và/hoặc được cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng có thông tin định danh của Bên Vay bởi các công ty thông tin tín dụng sau đây:

a) Công ty Cổ phần Thông tin tín dụng Việt Nam (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102547296 cấp lần đầu ngày 27/11/2007, Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng số 1184/GCN-NHNN);
b) Các công ty thông tin tín dụng khác mà TPBank là tổ chức tham gia trong từng thời kỳ;

Nội dung thông tin tín dụng được cung cấp, việc cung cấp, xử lý thông tin tín dụng, sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng có thông tin định danh của Bên Vay được công ty thông tin tín dụng cung cấp được thực hiện đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan

8. Thông tin FATCA:

Bên vay phải cung cấp cho TPBank đầy đủ các thông tin FATCA sau đây:

a) Bên vay có phải là công dân Hoa kì hoặc là thường trú nhân hợp pháp tại Hoa Kỳ (có thẻ xanh) hay không

b) Bên vay có được sinh ra tại Hoa kì (Nơi sinh tại Hoa kì) hay không

c) Bên vay có cung cấp hướng dẫn chuyển tiền thường xuyên nào tới một tài khoản được duy trì tại Hòa Kỳ hoặc hướng dẫn nhận tiền thường xuyên từ 1 địa chỉ tại Hoa Kỳ hay không

d) Bên vay có một địa chỉ Hoa kỳ (bao gồm cả địa chỉ hộp thư P.O box) hay số điện thoại Hoa kỳ hay không

e) Bên vay có ủy quyền cho người được Ủy quyền có địa chỉ tại Hoa Kỳ hay không

f) Tài khoản nhận tiền giải ngân có địa chỉ "gửi qua" hoặc "giữ thư" là địa chỉ duy nhất của tài khoản hay không.

**Điều 8.QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TPBANK**

1. Từ chối, tạm dừng giải ngân Khoản Vay nếu Bên Vay không đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại Hợp đồng này .

2. Kiểm tra, theo dõi, giám sát việc sử dụng Khoản Vay của Bên Vay; nếu pháp luật có yêu cầu và/hoặc TPBank thấy cần thiết.

3. Chuyển nhượng khoản nợ (bán nợ) và các quyền khác phát sinh từ Hợp đồng này phù hợp với quy định về hoạt động mua, bán nợ của Ngân hàng nhà nước; chuyển giao khoản nợ cho các chi nhánh, đơn vị khác thuộc TPBank quản lý hoặc ủy quyền thực hiện công việc nhằm quản lý khoản nợ, thu nợ.

4. Bảo đảm an toàn, bí mật thông tin của Bên Vay trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu hoặc được Bên Vay chấp thuận hoặc pháp luật có quy định khác.

5. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này , các văn bản, cam kết liên quan, quy định, chính sách của TPBank và của pháp luật.

6. TPBank có thể đơn phương quyết định miễn toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ thanh toán bất kỳ phí nào theo Hợp Đồng Vay và Điều Kiện Điều Khoản này.

**Điều 9.QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN VAY**

1. Cung cấp đầy đủ, trung thực cho TPBank các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn, báo cáo việc sử dụng vốn vay và chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích ghi trong Hợp đồng này, và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

2. Có quyền yêu cầu TPBank cung cấp bản sao Hợp đồng Vay đã được phê duyệt có chữ ký của người đại diện có thẩm quyền và đóng dấu của TPBank thông qua hotline 1900636633 của TPBank.

3. Sử dụng Khoản Vay theo đúng mục đích và thanh toán đầy đủ và đúng hạn Dư Nợ cho TPBank hoặc Bên nhận chuyển nhượng (nếu có).

4. Bồi thường mọi thiệt hại cho TPBank nếu Bên Vay vi phạm quy định tại Điều Kiện Điều Khoản này.

5. Chấp thuận việc TPBank chuyển nhượng khoản nợ (bán nợ) và các quyền khác phát sinh từ Điều Kiện Điều Khoản này phù hợp với quy định về hoạt động mua, bán nợ của Ngân hàng nhà nước; chuyển giao khoản nợ cho các chi nhánh, đơn vị khác thuộc TPBank quản lý hoặc ủy quyền thực hiện công việc nhằm quản lý khoản nợ, thu nợ.

6. Thực hiện đúng các cam kết, bảo đảm và các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều Kiện Điều Khoản này và quy định pháp luật.

7. Trong trường hợp Bên Vay không thực hiện thanh toán vào Ngày thanh toán, Bên Vay có nghĩa vụ cung cấp bản fax hoặc thư từ các tài liệu cam kết việc thanh toán và theo đó cho phép TPBank thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro đối với khoản vay của Bên Vay:

   a) Cam kết thanh toán bằng thư viết tay

   b) Chứng minh thu nhập mới nhất

   c) Xác nhận bằng thư tay về các thông tin liên lạc

   d) Chứng minh mục đích sử dụng vốn vay

   Bất kỳ khi nào Bên Vay không thực hiện yêu cầu trên đây trong vòng 5 ngày kể từ ngày khoản vay bị chuyển nợ quá hạn, Bên Vay phải chịu một khoản phạt với mức phạt theo quy định của TPBank trong từng thời kỳ và có nghĩa vụ bồi thường cho TPBank thiệt hại phát sinh từ hành vi vi phạm nêu trên. Mức bồi thường thiệt hại sẽ do TPBank quy định tại thời điểm Bên Vay có hành vi vi phạm nêu trên.

**Điều 10. SỰ MINH BẠCH**

1. Bên Vay được sử dụng tín dụng tại TPBank luôn được TPBank đảm bảo sự minh bạch trong thông tin, chính sách và biểu phí áp dụng đối với Bên Vay.

2. Mọi chính sách về lãi suất, phí, chi phí, phạt Bên Vay phải thanh toán khi sử dụng tín dụng tại TPBank đều được TPBank đảm bảo nhất quán, thống nhất theo tiêu chí chung của TPBank trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật.

3. Ngoài các mức phí đã quy định tại Điều Kiện Điều Khoản và/hoặc biểu phí của TPBank, hoặc các chi phí, phạt theo thỏa thuận chính thức bằng văn bản giữa TPBank và Bên Vay, TPBank không cho phép cán bộ TPBank yêu cầu Bên Vay thanh toán thêm bất kỳ chi phí nào.

4. TPBank luôn tuân thủ và đề cao quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Mọi hành vi nhận hối lộ, yêu sách của cán bộ TPBank đối với Bên Vay đều bị nghiêm cấm tại TPBank. TPBank kiên quyết xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm này.

5. Bên Vay cam kết trong suốt quá trình sử dụng tín dụng tại TPBank sẽ không đưa tiền, quà cáp, biếu xén, các lợi ích khác hay thực hiện bất kỳ hành động nào kể cả với mục đích cảm ơn hay vì bất kỳ động cơ nào khác nhằm tạo điều kiện cho cán bộ TPBank vi phạm đạo đức nghề nghiệp, ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh của TPBank. Đồng thời thông báo kịp thời cho TPBank qua các kênh tiếp nhận thông tin chính thức của TPBank nếu phát hiện bất kỳ hành vi vi phạm nào của cán bộ TPBank. TPBank sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trong trường hợp Bên Vay vi phạm cam kết này.

## Điều 11. THÔNG BÁO VÀ ỦY NHIỆM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

1. Bên Vay đồng ý việc thực hiện Điều Kiện Điều Khoản này, ký kết các văn bản, chứng từ liên quan đến rút vốn, nhận nợ và các văn bản, tài liệu khác liên quan đến Điều Kiện Điều Khoản này được thực hiện bởi Bên Vay ký tên trên Điều Kiện Điều Khoản này đều có giá trị pháp lý ràng buộc Bên Vay.

2. Bên Vay có trách nhiệm thông báo cho TPBank trong vòng 05 ngày kể từ ngày Bên Vay phát sinh bất kỳ sự kiện nào làm thay đổi thông tin (ví dụ thông tin liên lạc), hiện trạng và/hoặc có ảnh hưởng đến đến tình hình sử dụng Khoản Vay của Bên Vay tại TPBank.

3. Mọi thông báo, trao đổi thông tin giữa TPBank và Bên Vay được thực hiện theo địa chỉ và các kênh thông tin (như sms, email, fax...) của các Bên được ghi nhận tại Điều Kiện Điều Khoản này. Mọi thông báo, đăng ký thay đổi thông tin của Bên Vay có giá trị hiệu lực sau 05 ngày kể từ ngày TPBank nhận được thông báo từ Bên Vay.

   Bên Vay đồng ý tiếp nhận các thông tin trao đổi giữa TPBank với Bên Vay thông qua các phương tiện điện tử như sms, email, fax và các kênh thông tin khác theo toàn quyền quyết định của TPBank.

4. Các thông báo, cung cấp thông tin giữa các bên liên quan đến việc thực hiện Điều Kiện Điều Khoản này được gửi, nhận bằng một trong các phương thức gửi trực tiếp, đường bưu điện và/hoặc bằng phương tiện điện tử như fax, email, tin nhắn, hoặc điện thoại đến đường dây nóng của TPBank và địa chỉ của mỗi Bên tại Điều Kiện Điều Khoản này hoặc địa chỉ theo thông báo thay đổi của mỗi bên từng thời kỳ. Việc thông báo, trao đổi thông tin liên quan đến Điều Kiện Điều Khoản này do một Bên lập và gửi tới Bên kia được coi là đã được nhận nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

   a. Hai Ngày Làm Việc liền ngay sau ngày văn bản giấy được gửi bằng thư bảo đảm hoặc bốn Ngày Làm Việc liền sau ngày văn bản giấy gửi đường bưu điện thông thường tới địa chỉ được quy định tại Điều Kiện Điều Khoản này.

   b. Vào Ngày Làm Việc liền ngay sau ngày văn bản được gửi bằng fax tới số fax được thoả thuận tại Điều Kiện Điều Khoản này và máy fax đã thông báo gửi thành công.

c. Vào ngày email, tin nhắn của mỗi Bên gửi thành công tới địa chỉ email, số điện thoại của Bên kia.

**Điều 12. HIỆU LỰC VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG**

1. Hợp Đồng được ký kết giữa TPBank và Bên Vay, cùng với Điều Kiện Điều Khoản này và Điều kiện và Điều khoản mở và sử dụng tài khoản, bản Điều kiện và Điều khoản Bảo hiểm Tín dụng (nếu tham gia) tạo thành một thể thống nhất, trọn vẹn, thể hiện sự thỏa thuận của các Bên về cho vay tiền mặt tín chấp đối với Khách hàng và có hiệu lực kể từ ngày người đại diện có thẩm quyền của TPBank phê duyệt khoản vay cho đến ngày Bên Vay hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ thanh toán nợ, lãi, phí, chi phí, phạt (nếu có) cho TPBank. Bằng việc ký vào Hợp Đồng Vay, Bên Vay chấp thuận Điều Kiện Điều Khoản này và Điều kiện và Điều khoản mở và sử dụng tài khoản, bản Điều kiện và Điều khoản Bảo hiểm Tín dụng (nếu tham gia).

2. Bằng việc ký vào Điều Kiện Điều Khoản này, Bên Vay đồng ý và xác nhận rằng trước khi xác lập Điều Kiện Điều Khoản này:

   a) Bên Vay đã được TPBank cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến Sản phẩm tín dụng do TPBank cung cấp liên quan đến Khoản Vay;

   b) Bên Vay đã biết và đã được TPBank cung cấp đầy đủ thông tin về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung cho Bên Vay.

3. Trong trường hợp một điều khoản nào đó của Điều Kiện Điều Khoản này bị vô hiệu theo phán quyết của cơ quan có thẩm quyền hoặc do thay đổi pháp luật thì các điều khoản còn lại vẫn giữ nguyên hiệu lực với các Bên. Đối với những vấn đề phát sinh mà Điều Kiện Điều Khoản này không qui định thì sẽ áp dụng qui định pháp luật hiện hành của Việt Nam để giải quyết.

4. Các Bên cam kết thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận tại Điều Kiện Điều Khoản này. Trường hợp quyền, nghĩa vụ của các Bên bị cản trở và/hoặc không thực hiện được, mọi tranh chấp của hai bên sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết. Quyết định của Tòa án là phán quyết duy nhất và có giá trị bắt buộc với các bên. Bên thua kiện phải chịu toàn bộ án phí, lệ phí, các chi phí phát sinh liên quan đến việc giải quyết tranh chấp.

5. Bên Vay xác nhận và chấp thuận rằng TPBank có quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều Kiện Điều Khoản này trong thời hạn của Khoản Vay mà không cần phải có sự đồng ý của Bên Vay, và Bên Vay cam kết chấp thuận các nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.